

Bản tin Phân tích kỹ thuật

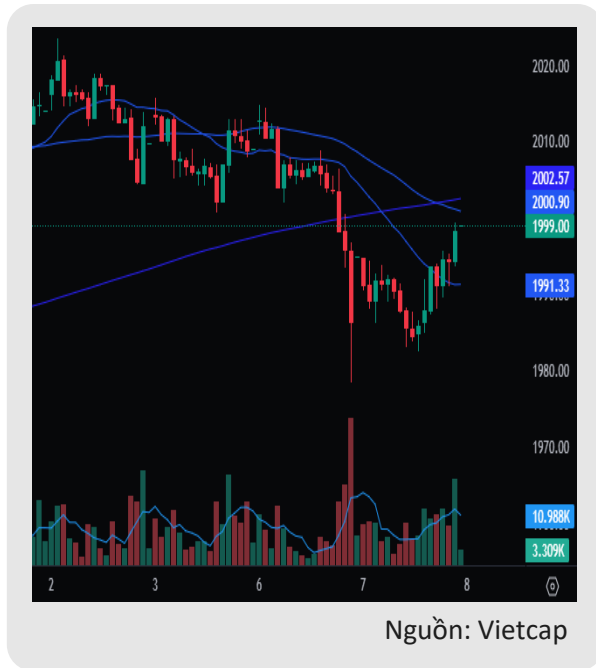
07/07/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G7000 hồi phục mạnh sau khi tiếp cận khu vực 1.980 điểm nhưng tín hiệu tăng vẫn chưa được xác nhận bởi hợp đồng vẫn đóng cửa dưới đường MA20 và MA200. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi xuất hiện nến đóng cửa vượt ngưỡng 2.003 điểm, mục tiêu tại vùng 2.020 điểm và dừng lỗ là ngưỡng 2.000 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 2.003 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.020 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.000 điểm

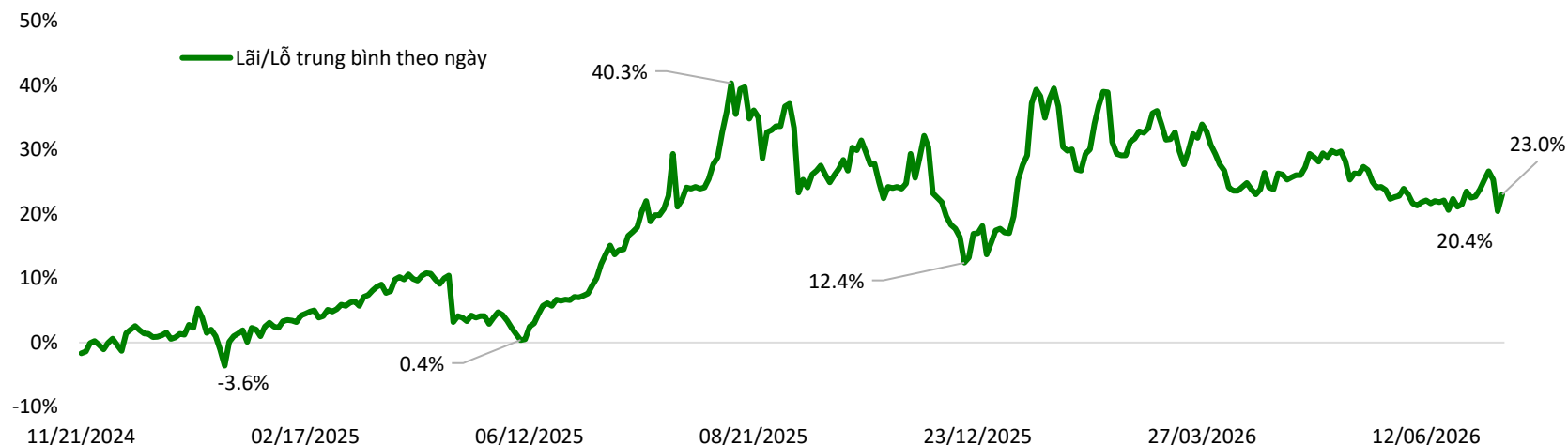
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index điều chỉnh về vùng giá thấp và kích hoạt lực cầu. Tuy nhiên, hoạt động mua chỉ xuất hiện rõ tại nhiều cổ phiếu Ngân hàng và Chứng khoán, trong khi chỉ cải thiện cục bộ ở nhóm Bất động sản, Vật liệu, Tiêu dùng và Bán lẻ. So với phiên 06/07, thị trường không ghi nhận nhóm ngành nào tiếp tục chịu áp lực bán mạnh.
- Về mặt kỹ thuật, lực cầu giá thấp giúp VN-Index giữ được vùng hỗ trợ 1.845–1.860 điểm, qua đó tín hiệu tăng chưa bị vi phạm. Tuy nhiên, thanh khoản HOSE giảm so với phiên 06/07 cho thấy lực mua vẫn còn thận trọng. Do đó, VN-Index sẽ hồi phục với trạng thái giằng co trong các phiên tới, mục tiêu gần quanh 1.860 điểm và hỗ trợ gần tại vùng 1.840 điểm.
- Đánh giá tổng quan, nhóm Ngân hàng và Chứng khoán đang cho thấy sự ổn định tốt hơn về cấu trúc kỹ thuật lẫn dòng tiền ngắn hạn trong hai phiên gần đây, qua đó có thể đóng vai trò dẫn dắt nhịp hồi phục của chỉ số. Các nhóm ngành còn lại chưa duy trì được tín hiệu tăng ổn định và dễ chịu tác động từ các nhịp bán đột ngột. Vì vậy, xác suất tuy nghiêng về kịch bản VN-Index tiếp tục hồi phục, nhưng chỉ số nhiều khả năng chưa thoát khỏi trạng thái biến động mạnh trong ngày.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BMP	18/06/2026		Đang mở	149,600	145,600	2.7%	140,000	161,000	145,600	
DHC	18/06/2026	07/07/2026	Đóng hòa vốn	33,200	33,180	0.1%	32,000	36,600	33,200	
TCX	25/06/2026		Đang mở	44,750	44,300	1.0%	41,500	48,000		
VPB	30/06/2026		Đang mở	27,600	27,000	2.2%	26,500	28,000	27,000	
HCM	02/07/2026		Đang mở	28,600	28,100	1.8%	27,300	31,300		
MBS	02/07/2026		Đang mở	22,300	20,100	10.9%	19,700	22,900	20,500	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	150,100	-2.60%	-1.12%	616,523	-3.013	15,766	2.4	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	53,800	4.87%	0.56%	160,716	1.475	3,738	3.3	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	24,250	3.19%	0.41%	121,427	0.730	2,612	1.8	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,750	1.78%	2.18%	207,416	0.695	3,442	1.4	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	44,750	2.87%	0.79%	124,157	0.672	2,202	2.7	20.3	Tích cực			
MSN	68,600	-2.70%	-4.85%	100,182	-0.508	3,267	2.7	21.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDB	27,700	1.84%	7.16%	138,646	0.480	3,546	1.7	7.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	22,600	1.80%	-0.22%	131,180	0.445	2,802	1.3	8.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HVN	26,050	2.76%	10.85%	81,055	0.421	3,035	7.9	8.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	41,650	0.73%	-1.77%	303,215	0.414	4,392	1.6	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
GEE	86,000	3.61%	-6.83%	55,083	0.375	5,285	7.2	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	31,450	1.45%	-4.12%	125,800	0.344	1,572	2.1	20.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	137,600	-1.01%	2.69%	179,899	-0.341	5,339	10.5	25.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PNJ	50,800	-6.96%	-19.37%	25,995	-0.341	7,093	1.8	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,600	0.55%	2.22%	218,976	0.225	3,314	1.3	8.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	122,500	-7.62%	-25.26%	47,162	-2.095	271	10.6	451.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBS	22,300	7.21%	10.95%	22,321	0.939	1,743	2.7	12.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	14,700	2.08%	1.38%	42,992	0.522	42	3.1	346.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	19,300	3.21%	4.32%	17,360	0.325	1,463	1.4	13.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
IDC	40,700	1.75%	-1.93%	15,446	0.158	4,899	2.3	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVS	35,700	9.85%	32.22%	2,578	0.148	2,830	1.0	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	36,000	-1.10%	-5.51%	18,411	-0.118	3,781	1.2	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PTI	24,800	-6.42%	-2.75%	2,991	-0.112	2,389	1.1	10.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVB	15,500	-7.74%	-7.74%	1,680	-0.076	1,897	0.9	8.4	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAB	11,700	0.86%	0.86%	13,485	0.068	1,055	1.0	11.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực

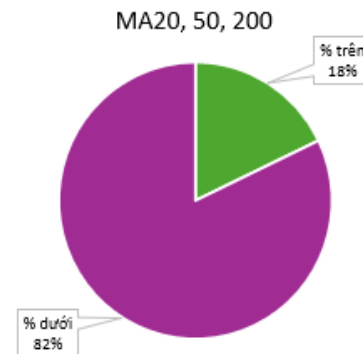
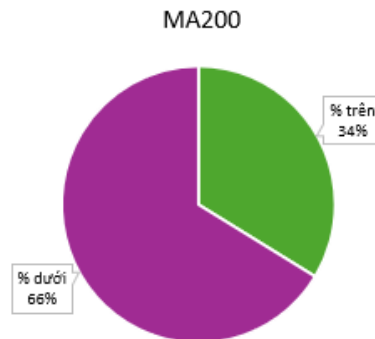
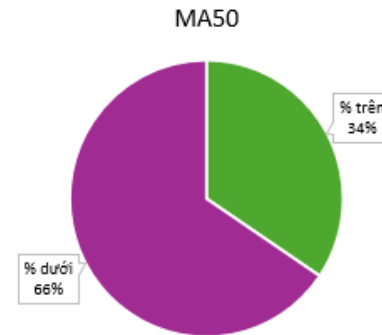
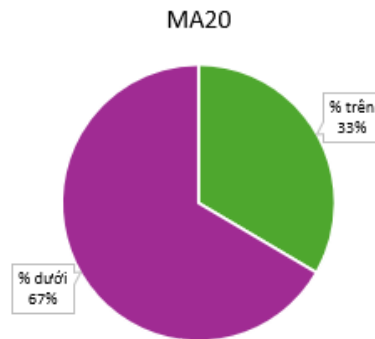
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MVN	60,000	3.45%	3.63%	71,262	3.006	1,955	4.8	30.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ACV	42,800	-0.93%	-2.73%	153,678	-1.741	2,980	2.1	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	42,300	14.32%	-12.78%	8,883	1.557	-496	6.0	-85.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
VNZ	470,000	9.30%	14.63%	13,355	1.520	616	18.1	729.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	36,900	-2.89%	-5.87%	40,497	-1.434	700	3.2	52.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CC1	32,100	-6.69%	-6.96%	15,236	-1.246	583	3.4	55.1	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGR	95,000	5.09%	-41.36%	7,671	0.478	6,136	7.6	15.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
FOX	72,500	-0.68%	-2.29%	52,649	-0.441	4,791	4.5	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VEF	83,000	-2.58%	-4.82%	13,753	-0.434	4,015	2.0	20.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	86,100	-0.12%	-2.16%	260,982	-0.370	3,657	5.9	23.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	42,800	-0.9%	29.5	25.2	42,900	67,100	2.1	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	50,800	-7.0%	50.5	58.7	53,462	84,671	1.8	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	18,000	-1.1%	33.7	25.2	18,200	27,533	0.9	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	8,630	-1.7%	11.5	8.1	8,780	13,456	0.7	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	20,250	-0.7%	7.9	11.0	20,300	32,286	1.5	5.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	34,450	-0.1%	15.6	14.2	34,500	50,728	1.4	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	21,000	-2.3%	8.7	8.3	21,500	33,915	1.3	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	20,050	-0.2%	13.2	16.3	20,100	30,530	1.0	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KHG	4,880	-0.2%	13.2	17.0	4,890	8,700	0.4	32.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	19,500	-1.3%	8.0	4.3	19,750	27,650	0.7	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
L40	24,300	-9.7%	8.3	3.3	9,989	49,765	1.2	1.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			07/07/2026	06/07/2026	03/07/2026	02/07/2026	01/07/2026	30/06/2026	29/06/2026	26/06/2026
VNINDEX	MA200	Trên	27%	26%	29%	29%	29%	28%	28%	26%
		Dưới	73%	74%	71%	71%	71%	72%	72%	74%
	MA50	Trên	35%	33%	38%	38%	39%	35%	33%	29%
		Dưới	65%	67%	62%	62%	61%	65%	67%	71%
	MA20	Trên	35%	35%	42%	46%	46%	42%	39%	34%
		Dưới	65%	65%	58%	54%	54%	58%	61%	66%
VN30	MA200	Trên	37%	33%	47%	47%	47%	43%	47%	33%
		Dưới	63%	67%	53%	53%	53%	57%	53%	67%
	MA50	Trên	43%	40%	53%	53%	57%	50%	47%	37%
		Dưới	57%	60%	47%	47%	43%	50%	53%	63%
	MA20	Trên	47%	37%	63%	70%	73%	63%	60%	53%
		Dưới	53%	63%	37%	30%	27%	37%	40%	47%
HNX	MA200	Trên	33%	34%	34%	33%	34%	35%	35%	36%
		Dưới	67%	66%	66%	67%	66%	65%	65%	64%
	MA50	Trên	36%	37%	40%	38%	40%	38%	37%	36%
		Dưới	64%	63%	60%	62%	60%	62%	63%	64%
	MA20	Trên	33%	34%	34%	33%	34%	35%	35%	36%
		Dưới	67%	66%	66%	67%	66%	65%	65%	64%
UPCOM	MA200	Trên	31%	32%	33%	34%	34%	33%	33%	33%
		Dưới	69%	68%	67%	66%	66%	67%	67%	67%
	MA50	Trên	35%	36%	36%	36%	35%	34%	34%	34%
		Dưới	65%	64%	64%	64%	65%	66%	66%	66%
	MA20	Trên	37%	37%	38%	38%	38%	38%	38%	38%
		Dưới	63%	63%	62%	62%	62%	62%	62%	62%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 7										Tháng 6									
		07 ↓	06	03	02	01	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10
!	1 Dịch vụ tài chính	68	70	67	65	60	58	57	56	57	59	62	64	63	62	59	55	46	38	41	41
↗	2 Ngân hàng	65	66	69	70	66	65	59	53	53	54	56	54	52	54	54	49	48	44	44	47
!	3 Du lịch và Giải trí	56	57	58	59	59	60	57	58	57	59	61	63	63	61	60	59	53	47	51	52
	4 Ô tô và phụ tùng	52	42	38	41	39	38	37	37	37	39	42	42	38	38	36	34	34	32	40	42
	5 Tài nguyên Cơ bản	51	52	50	51	46	45	43	46	44	44	48	51	54	58	58	56	49	44	44	45
	6 Thực phẩm và đồ uống	48	50	47	50	49	48	47	48	46	44	45	46	45	46	46	44	42	43	43	43
	7 Công nghệ Thông tin	45	35	38	37	35	31	32	29	27	28	27	28	33	32	31	27	26	28	29	31
!	8 Bán lẻ	44	49	50	54	47	46	44	38	40	42	49	52	49	52	53	47	36	30	34	35
!	9 Hàng & Dịch vụ Côn...	43	47	48	52	48	46	39	38	41	43	47	48	43	42	42	40	34	32	34	33
	10 Xây dựng và Vật liệu	41	44	47	49	47	48	44	39	39	42	46	47	46	49	47	43	38	37	39	37
!	11 Điện, nước & xăng d...	40	43	44	47	47	46	50	49	48	48	52	44	40	37	38	36	34	35	39	39
↘	12 Hóa chất	34	37	37	33	33	31	32	34	39	43	45	43	40	35	35	32	32	33	32	29
↘	13 Bất động sản	33	38	39	40	38	39	38	38	39	39	44	45	42	43	44	42	37	38	39	36
!	14 Hàng cá nhân & Gia ...	32	34	38	40	31	37	37	36	37	36	34	33	29	30	28	25	21	17	19	22
	15 Dầu khí	22	26	26	31	26	23	21	23	26	26	29	25	19	17	16	15	18	28	28	28

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	53,800	4.9%	0.6%	160,716	3.3	14.4	3,738	91.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,700	1.8%	7.2%	138,646	1.7	7.8	3,546	517.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCX	44,750	2.9%	0.8%	124,157	2.7	20.3	2,202	94.9	Tích cực	9.5			
VCK	33,800	0.9%	2.1%	82,300	2.7	18.9	1,791	104.1	Tích cực	9.5			
NVB	14,700	2.1%	1.4%	42,992	3.1	346.9	42	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	76,000	-1.6%	3.3%	32,414	2.4	17.1	4,457	132.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HCM	28,600	2.9%	5.1%	30,887	2.1	20.7	1,382	112.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VND	18,750	3.0%	5.9%	28,543	1.3	13.1	1,435	385.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ABB	18,700	0.5%	1.1%	26,064	1.5	6.1	3,084	34.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	22,300	7.2%	10.9%	22,321	2.7	12.8	1,743	368.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	29,900	0.2%	0.8%	10,908	2.6	54.5	549	16.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FTS	28,350	5.4%	6.8%	10,805	2.4	26.6	1,066	63.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BSI	36,850	4.7%	3.2%	9,946	1.8	19.8	1,858	35.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ORS	14,600	5.0%	8.1%	9,109	1.2	37.4	391	222.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTS	28,900	6.8%	10.5%	7,868	2.7	14.7	1,973	89.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABW	13,300	1.5%	3.9%	3,919	2.4	8.7	1,497	8.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AGR	16,000	5.3%	8.8%	3,653	1.4	23.9	670	18.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BVS	35,700	9.8%	32.2%	2,578	1.0	12.6	2,830	100.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	82,200	1.7%	2.5%	2,466	1.1	8.7	9,454	10.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	15,000	3.8%	3.1%	1,298	1.3	26.5	567	26.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSN	68,600	-2.7%	-4.9%	100,182	2.7	21.0	3,267	667.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FOX	72,500	-0.7%	-2.3%	52,649	4.5	14.9	4,791	20.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BVH	59,500	-0.8%	-7.9%	44,168	1.8	15.0	3,977	31.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	47,450	0.4%	-4.4%	29,557	1.4	11.2	4,224	26.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	50,800	-7.0%	-19.4%	25,995	1.8	7.2	7,093	50.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	14,300	0.0%	-3.1%	14,269	1.1	23.6	607	68.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	12,700	0.0%	-3.8%	13,076	1.2	14.2	892	10.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TAL	25,700	0.0%	-3.2%	12,953	2.3	16.0	1,610	7.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	18,000	-1.1%	-3.0%	7,759	0.9	5.7	3,184	33.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	18,700	0.5%	-10.1%	7,610	1.1	11.4	1,635	92.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	17,550	0.0%	-7.6%	6,570	1.3	24.0	731	53.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	8,630	-1.7%	-6.2%	5,433	0.7	6.3	1,373	11.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	34,450	-0.1%	-9.6%	4,085	1.4	10.7	3,213	15.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	21,200	0.5%	-5.6%	3,816	1.2	16.2	1,309	9.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSH	32,500	-0.6%	-4.1%	3,657	1.8	5.8	5,574	6.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	21,000	-2.3%	-7.9%	3,066	1.3	4.8	4,354	8.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	4,910	0.0%	-3.2%	2,114	0.4	24.1	204	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
L40	24,300	-9.7%	-13.8%	577	1.2	1.7	14,374	8.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	41,650	0.7%	-1.8%	303,215	1.6	9.5	4,392	89.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
VGI	86,100	-0.1%	-2.2%	260,982	5.9	23.5	3,657	23.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	9,850	-1.10%	-4.37%	25,500	158.9%	(143)	0.8	-68.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	20,950	2.20%	-3.01%	42,600	103.3%	1,077	1.3	19.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	45,850	-0.86%	-4.08%	91,200	98.9%	6,819	1.1	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	25,650	0.79%	-1.91%	45,800	78.6%	1,599	1.0	16.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TV2	27,500	1.66%	-5.82%	49,000	78.2%	1,971	1.4	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDG	18,700	0.54%	-10.10%	32,900	75.9%	1,635	1.1	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	50,800	-6.96%	-19.37%	88,900	75.0%	7,093	1.8	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,800	-1.43%	-3.16%	23,100	67.4%	1,676	0.7	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	36,000	-1.10%	-5.51%	60,000	66.7%	3,781	1.2	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVT	19,000	-0.26%	-4.28%	30,800	62.1%	2,211	1.1	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PLC	20,500	-2.38%	-1.91%	31,900	55.6%	(99)	1.3	-207.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	43,000	0.94%	-4.44%	66,800	55.3%	2,896	2.2	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
FRT	117,000	0.69%	-2.50%	180,100	53.9%	5,113	4.7	22.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HPG	23,100	0.00%	-0.86%	35,400	53.2%	2,499	1.4	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,550	1.62%	1.21%	18,600	48.2%	1,397	0.7	9.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	68,600	-2.70%	-4.85%	101,200	47.5%	3,267	2.7	21.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDC	14,650	-0.34%	-2.01%	21,400	46.1%	2,973	1.1	4.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,250	0.29%	0.88%	50,000	46.0%	4,906	1.4	7.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	35,100	1.59%	-0.28%	51,000	45.3%	4,413	1.6	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	40,700	1.75%	-1.93%	58,000	42.5%	4,899	2.3	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn